

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 91

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và hai mươi tám (28) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi tám (28) vào ngày 17 tháng 6 năm 2016 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh trồng cây ăn quả, dịch vụ trồng trọt, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, ba mươi hai (32) công ty con gián tiếp và ba (3) công ty liên kết.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tập đoàn là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lâm Hoàng Hải	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Ông Nguyễn Tân Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, vào bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Ngày 27 tháng 4 năm 2017

Số tham chiếu: 60752790/18591868-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 4 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 91, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Building a better
working world

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 4.7 của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, Tập đoàn đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu ("Nhóm công ty Mía đường") cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc Nhóm công ty Mía đường cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty Mía đường này. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các thủ tục pháp lý cần thiết vẫn chưa được hoàn thành. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường sau ngày 31 tháng 8 năm 2016. Theo đó, Ban Giám đốc đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 8 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn. Do các thủ tục pháp lý cần thiết chưa được hoàn tất, chúng tôi đã không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định thời điểm Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường. Đồng thời, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để kiểm tra các số dư trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm công ty Mía đường này, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các công ty này cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 8 năm 2016 như được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 liên quan đến số liệu tài chính của Nhóm công ty Mía đường hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 1588-2013-004-1

Phạm Thị Cẩm Tú
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 2266-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 5 năm 2017

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngân VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.394.220.363	13.215.916.673
110	<i>I. Tiền</i>	5	791.208.293	967.966.695
111	1. Tiền		791.208.293	967.966.695
130	<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		6.768.206.227	8.469.868.136
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.772.653.862	1.607.110.089
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.316.838.516	1.661.082.955
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	2.034.357.256	3.699.988.122
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.672.681.113	1.511.776.819
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(28.324.520)	(10.089.849)
140	<i>III. Hàng tồn kho</i>	10	1.789.466.577	3.646.452.010
141	1. Hàng tồn kho		1.822.154.682	3.651.634.817
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(32.688.105)	(5.182.807)
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>		45.339.266	131.629.832
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		7.961.305	13.427.321
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		26.318.790	33.767.746
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	11.059.171	2.238.777
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	82.195.988
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		43.369.249.238	35.600.011.677
210	<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		6.350.659.266	6.141.903.570
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	5.717.370.743	6.062.008.291
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	633.288.523	79.895.279
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		10.017.094.697	7.546.496.433
221	1. Tài sản cố định hữu hình Nguyên giá	11	8.664.993.197	6.176.778.419
222	Giá trị hao mòn lũy kế		10.076.814.951	7.116.522.216
223			(1.411.821.754)	(939.743.797)
227	2. Tài sản cố định vô hình Nguyên giá	12	1.352.101.500	1.369.718.014
228	Giá trị hao mòn lũy kế		1.429.539.847	1.405.334.952
229			(77.438.347)	(35.616.938)
230	<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	13	3.510.539.222	81.725.494
231	1. Nguyên giá		3.567.861.308	84.074.852
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(57.322.086)	(2.349.358)
240	<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	14	17.983.864.412	19.188.680.860
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		17.983.864.412	19.188.680.860
250	<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>		877.887.933	328.257.789
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết	16	865.766.030	252.299.640
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	17	12.101.903	75.938.149
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000	20.000
260	<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>		4.629.203.708	2.312.947.531
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	1.497.175.881	1.156.515.098
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	35.3	91.119.227	82.941.387
269	3. Lợi thế thương mại	19	3.040.908.600	1.073.491.046
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		52.763.469.601	48.815.928.350

BÀNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		36.092.409.291	32.760.380.160
310	I. Nợ ngắn hạn		12.726.074.032	13.212.975.900
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	1.319.409.776	1.123.648.086
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	3.546.000.509	1.438.433.801
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	195.748.396	275.400.876
314	4. Phải trả người lao động		74.235.298	46.519.890
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	846.456.575	809.388.331
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		6.760.210	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	24	1.535.617.649	1.217.547.588
320	8. Vay ngắn hạn	25	5.197.619.996	8.297.755.147
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.225.623	4.282.181
330	II. Nợ dài hạn		23.366.335.259	19.547.404.260
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		4.222.541	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	24	1.374.575.760	546.724.865
338	3. Vay dài hạn	25	21.444.223.544	18.801.459.914
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.3	265.918.989	192.839.513
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	26	277.394.425	6.379.968
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.671.060.310	16.055.548.190
410	I. Vốn chủ sở hữu		16.671.060.310	16.055.548.190
411	1. Vốn cổ phần	27.1	7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	27.1	3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ	27.1	(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.1	650.139.359	555.077.253
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	27.1	279.895.303	279.895.303
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.1	1.412.441.015	2.023.903.249
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.527.805.613	1.570.546.874
421b	- (Lỗi lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(1.115.364.598)	453.356.375
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28	2.890.513.019	1.758.600.771
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		52.763.469.601	48.815.928.350



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.1	6.441.028.981	6.252.482.061
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	30.1	(1.249.713)	(35.528)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.1	6.439.779.268	6.252.446.533
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	31	(5.430.638.742)	(4.398.020.571)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.009.140.526	1.854.425.962
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30.2	947.916.097	1.053.656.518
22	7. Chi phí tài chính	32	(1.674.519.826)	(1.203.667.607)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.579.381.993)	(1.078.711.240)
24	8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết		11.710.281	(1.898.163)
25	9. Chi phí bán hàng	33	(169.154.415)	(111.239.060)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	(501.564.190)	(350.371.742)
30	11. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(376.471.527)	1.240.905.908
31	12. Thu nhập khác	34	176.199.117	180.631.718
32	13. Chi phí khác	34	(1.206.015.281)	(615.325.413)
40	14. Lỗ khác	34	(1.029.816.164)	(434.693.695)
50	15. (Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.406.287.691)	806.212.213
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.1	(10.311.463)	(153.548.976)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35.3	(64.901.636)	(50.302.292)
60	18. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(1.481.500.790)	602.360.945
61	19. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(1.115.364.598)	502.343.207
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(366.136.192)	100.017.738
70	21. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	29	(1.412)	613
71	22. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	29	(1.412)	613



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Lỗ) lợi nhuận trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		(1.406.287.691)	806.212.213
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		774.966.464	372.592.068
03	Các khoản dự phòng		45.528.933	9.745.286
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		33.309.004	(115.305.562)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(767.018.139)	(628.376.312)
06	Chi phí lãi vay	32	1.579.381.993	1.078.711.240
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		259.880.564	1.523.578.933
09	Giảm các khoản phải thu		1.119.197.170	1.169.669.226
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.293.921.678	(1.916.001.996)
11	Tăng các khoản phải trả		1.067.210.872	1.699.906.910
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(120.577.118)	121.084.629
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.417.691.509)	(932.571.773)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(25.424.754)	(109.599.492)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	35.1	(56.558)	(26.760.841)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.176.460.345	1.529.305.596
II.	LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(3.895.058.904)	(7.946.189.324)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		1.711.964.916	791.534.557
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(3.351.481.274)	(6.581.690.554)
24	Tiền thu hồi cho vay		4.404.445.889	4.476.003.816
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(4.604.707.935)	(2.350.933.815)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		2.018.359.523	866.639.814
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cỗ tức và lợi nhuận được chia		354.720.632	411.747.874
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.361.757.153)	(10.332.887.632)

BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát	28	2.792.000.000	159.000.000
32	Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát		(313.000.000)	(2.200.000)
33	Tiền thu từ đi vay		4.868.173.006	15.978.713.459
34	Tiền trả nợ gốc vay		(6.433.696.706)	(7.342.378.545)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		913.476.300	8.793.134.914
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(271.820.508)	(10.447.122)
60	Tiền đầu năm		967.966.695	978.413.817
61	Ânh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		95.062.106	-
70	Tiền cuối năm	5	791.208.293	967.966.695



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và hai mươi tám (28) GCNĐKKD điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi tám (28) vào ngày 17 tháng 6 năm 2016 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh trồng cây ăn quả, dịch vụ trồng trọt, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có tám (8) công ty con trực tiếp, ba mươi hai (32) công ty con gián tiếp và ba (3) công ty liên kết với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực bất động sản			
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN")	TP. HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	68,90
(2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar ("HA Myanmar")	TP. Yangon, Myanmar	Đang hoạt động	68,90
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok (i)	TP. Bangkok, Thái Lan	Đang hoạt động	32,38
Lĩnh vực thủy điện			
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai ("DHA")	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,40
(5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu ("NK2")	Viên Chăn, Lào	Chờ thanh lý	99,40
(6) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3 ("NK3")	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	99,40
Lĩnh vực nông nghiệp			
(7) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (ii)	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	75,02
(8) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	75,02
(9) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Chờ thanh lý	75,01
(10) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Chờ thanh lý	75,01
(11) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	73,35
(12) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	73,35
(13) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk	Tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam	Đang hoạt động	74,67
(14) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam	Trước hoạt động	74,61

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
<i>Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)</i>			
(15) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA")	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	75,02
(16) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	73,35
(17) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	75,02
(18) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	75,02
(19) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	75,02
(20) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	75,02
(21) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,27
(22) Công ty Cổ phần An Đông Mia	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	53,60
(23) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	53,60
(24) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,80
(25) Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	74,80
(26) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	TP.HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	75,02
(27) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	TP.HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	75,02
(28) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	75,02
(29) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	75,02
(30) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	75,02
(31) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,96
<i>Lĩnh vực khai khoáng</i>			
(32) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(33) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kon Tum	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(34) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	99,40

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(35) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,85
(36) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(37) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	80,00
(38) Công ty TNHH V&H Corporation	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(39) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(40) Công ty Cổ phần Quản lý Bất Động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	TP. Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động	94,50
<ul style="list-style-type: none"> (i) Tập đoàn nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này. (ii) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HNG và chính thức được giao dịch từ ngày 20 tháng 7 năm 2015. 			

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.529 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.198).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát công ty con nhưng công ty con đang trong quá trình chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn vẫn hợp nhất báo cáo tài chính vào ngày mất quyền kiểm soát và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.12*). Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp giá mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân dụng cụ và hàng hóa

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng kinh doanh dở dang với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đèn bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là câu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 25 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 10 năm
Vật nuôi	6 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	8 năm
Tài sản khác	3 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su là 7 năm và cây cọ dầu là 4,5 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây cao su và cọ dầu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Khấu hao vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 20	Giá trị còn lại

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Khuất hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 30 năm
Trung tâm thương mại	50 năm
Văn phòng cho thuê	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán bất động sản với giá trị còn lại của nó đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây và công trình thủy điện của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu và vườn cây ăn quả như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar

Bao gồm chi phí xây dựng và vận hành dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar tại số 192, Đường Kaba Aye Pagoda, Thị trấn Bahan, Thành phố Yangon, Myanmar, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Thành lập số 248DC/2012-2013 ngày 6 tháng 12 năm 2012 cấp bởi Bộ Phát triển Kinh tế và Kế hoạch Quốc gia Myanmar. Đây là dự án xây dựng và vận hành khu Khách sạn, Trung tâm thương mại, Tòa nhà văn phòng và Căn hộ cho thuê trị giá 440 triệu USD tại Myanmar (diện tích đất 73.358 m²). Việc đầu tư vào dự án này được cấp phép bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ra Nước ngoài số 586/BKHĐT-ĐTRNN ngày 21 tháng 2 năm 2013. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, một số hạng mục của dự án bao gồm Trung tâm Thương mại, Văn phòng và Khách sạn thuộc giai đoạn 1 đã đi vào hoạt động chính thức.

Công trình thủy điện

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đền bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn mía, vườn bắp, vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang và trồng cỏ, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- ▶ Chi phí phát triển vườn mía, bắp, cây ăn quả, chi phí khai hoang và trồng cỏ bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí phát triển cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG ("HAGL-JMG"). Chi phí phát triển cầu thủ được phân bổ trong vòng từ 7 đến 10 năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL-JMG với các cầu thủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tồn thắt lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tồn thắt lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tồn thắt ngay trong năm phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả năm tài chính, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cố tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Lãi (lỗ) trên cổ phiếu*

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- ▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chi tiêu sâu của Tập đoàn.

- ▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.20 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Ghi nhận doanh thu* (tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3.21 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 *Trái phiếu chuyển đổi*

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.23 *Dự phòng*

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.24 *Các bên liên quan*

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung kiểm soát với Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3.25 *Thông tin bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 *Tái cơ cấu nợ vay*

Trong năm, như được trình bày ở Thuyết minh ("Thuyết minh") số 25, Tập đoàn đã hoàn thành việc tái cơ cấu các khoản nợ vay và trái phiếu với các bên cho vay bao gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng; Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín; Ngân Hàng TMCP Tiên Phong; Ngân hàng TMCP Bản Việt; Ngân hàng Liên doanh Lào Việt; Công ty Cổ phần Việt Golden Farm. Việc tái cơ cấu bao gồm việc gia hạn thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu từ 4 - 10 năm; gia hạn thời gian trả nợ lãi thêm từ 1 đến 3 năm, và giảm lãi suất, lãi phạt.

4.2 *Mua Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương và các công ty con*

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, HNG đã mua 100% vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("CSDD") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh theo các Hợp đồng chuyển nhượng có liên quan với giá trị chuyển nhượng lần lượt là 880.000.000 ngàn VND và 770.000.000 ngàn VND. Theo đó, CSDD đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này.

CSDD là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0311181334 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2011. Công ty có trụ sở chính tại số 11D Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày mua, CSDD có các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Hoạt động kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Ngày thành lập</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
(1) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	TP.HCM, Việt Nam	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	27 tháng 6 năm 2014	100%
(2) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	8 tháng 8 năm 2011	100%
(3) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	14 tháng 10 năm 2011	100%
(4) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	17 tháng 1 năm 2013	100%

Hoạt động kinh doanh chính của CSDD và các công ty con ("Nhóm CSDD") trong kỳ hiện tại là trồng và chăm sóc vườn cao su tại các Tỉnh thuộc Vương Quốc Campuchia.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Nhóm CSDD tại ngày mua. Theo đó, Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.2 Mua Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương và các công ty con (tiếp theo)

Giá trị hợp lý tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Nhóm CSDD tại ngày mua được trình bày như sau:

Ngàn VND
Giá trị hợp lý được
xác định tạm thời ghi
nhận tại ngày mua

Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	684.785.662
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	276.612.284
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	32.460.055
Tài sản cố định hữu hình	2.839.163
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Vườn cây cao su)	1.680.586.665
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	(203.027.005)
Vay ngắn hạn	(488.455.486)
Vay dài hạn	(504.688.437)
Tổng tài sản thuần	1.481.112.901
Cổ đông không kiểm soát	34.888.585
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	133.998.514
Tổng giá trị hợp nhất kinh doanh	1.650.000.000

4.3 Nghiệp vụ phát hành cổ phiếu và thanh lý một phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, HNG đã hoàn thành việc phát hành 59.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông không kiểm soát với giá phát hành là 28.000 VND/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 0610/15/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 6 tháng 10 năm 2015 và các Nghị Quyết Hội đồng Quản trị có liên quan. Việc phát hành thêm cổ phần này đã làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG từ 85,95% xuống còn 79,34% tại ngày này.

Trong tháng 3 năm 2016, Tập đoàn đã bán 22.648.360 cổ phiếu của HNG theo đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG từ 79,34% xuống còn 75,61% tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4.4 Phát hành thêm cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh

Vào ngày 3 tháng 5 năm 2016, Đại Hội đồng Cổ đông của HAN đã thông qua phương án chào bán cổ phần riêng lẻ với tổng số lượng cổ phần chào bán là 56.000.000 cổ phần cho nhà đầu tư theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 27/NQĐHCĐ.16. Nghiệp vụ này đã hoàn tất vào ngày 11 tháng 5 năm 2016 với 56.000.000 cổ phần được phát hành cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải.

Việc phát hành thêm cổ phần này đã làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HAN từ 85,75% xuống còn 68,90% tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.5 *Mua lại một phần cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai rồi huỷ*

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2016, Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai ("DHA"), công ty con trong Tập đoàn, đã mua lại 10.000.000 cổ phần, tương đương với 3,85% tỷ lệ sở hữu từ cổ đông cá nhân - Ông Nguyễn Văn Hùng trong DHA với tổng giá mua là 313.000.000 ngàn VND làm cổ phiếu quỹ, và tiến hành huỷ sau đó. Theo đó, vốn chủ sở hữu của DHA giảm tương ứng 313.000.000 ngàn VND.

Nghiệp vụ này đã làm tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong DHA từ 95,58% lên thành 99,40% tại ngày này.

4.6 *Mua Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên*

Vào ngày 9 tháng 12 năm 2016, HNG đã hoàn tất nghiệp vụ mua 81.937.178 cổ phiếu, tương đương với 99,9% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên ("CSTN"), từ bên liên quan là chủ sở hữu CSTN với tổng giá phí là 3.277.737.120 ngàn VND (TM số 36). Theo đó, CSTN đã trở thành công ty con của Tập đoàn.

CSTN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900189156, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008. Hoạt động kinh doanh chính của CSTN trong năm hiện tại là trồng trọt, kinh doanh cây cao su, vườn cây ăn quả và chăn nuôi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của CSTN. Theo đó, Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất công ty này. Giá trị hợp lý tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của CSTN tại ngày mua được trình bày như sau:

Ngàn VND
 Giá trị hợp lý
 được xác định
 tạm thời ghi nhận
 tại ngày mua

Tài sản

Tiền và các khoản tương đương tiền	150.156.944
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.836.627.939
Hàng tồn kho	251.734.900
Chi phí trả trước ngắn hạn	8.053.791
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Vườn cây cao su và cây ăn quả)	988.522.788
Tài sản cố định hữu hình	127.142.696

Nợ phải trả

Vay	(654.841.526)
Phải trả ngắn hạn khác	<u>(2.096.952.050)</u>

Tổng tài sản thuần

610.445.482

Cổ đông không kiểm soát

665.784.954

Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh

2.001.506.684

Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh

3.277.737.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.7 Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu

Tập đoàn đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu ("Nhóm công ty Mía đường") cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc Nhóm công ty Mía đường cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty mía đường này. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các thủ tục pháp lý cần thiết vẫn chưa được hoàn thành. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường sau ngày 31 tháng 8 năm 2016. Theo đó, Ban Giám đốc đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 8 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm công ty Mía đường vào ngày 31 tháng 8 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 8 năm 2016 được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, được trình bày như sau:

	Ngân VND Giá trị tại ngày 31 tháng 8 năm 2016
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.420.846
Tài sản ngắn hạn	101.755
Hàng tồn kho	371.383.029
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.567.522
Chi phí trả trước	279.113.465
Tài sản cố định hữu hình	1.920.521.443
Nợ phải trả	
Vay	(794.079.850)
Phải trả ngắn hạn khác	(764.853.195)
Tổng tài sản thuần	1.026.175.015
Vốn chủ sở hữu	815.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	67.461.794
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	143.713.221
Tổng tài sản thuần	1.026.175.015
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 8 năm 2016</i>

Doanh thu bán hàng	700.511.814
Giá vốn hàng bán	(529.149.304)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	171.362.510
Chi phí hoạt động tài chính	(145.174.439)
Chi phí quản lý và chi phí khác	(21.359.825)
Lợi nhuận thuần kế toán trước thuế	4.828.246
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.828.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	23.866.437	54.242.848
Tiền gửi ngân hàng (*)	767.341.856	801.473.847
Tiền đang chuyển	-	112.250.000
TỔNG CỘNG	791.208.293	967.966.695

(*) Tập đoàn đã thế chấp 77.802.463 ngàn VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn (*Thuyết minh "TM" số 25.4*) (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 29.850.088 ngàn VND).

6. PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	816.345.701	341.776.177
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	821.662.397	850.175.129
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu Chính phủ Lào cho việc xây dựng sân bay</i>	727.713.177	730.579.743
<i>Phải thu từ các khách hàng khác</i>	93.949.220	119.595.386
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư	-	309.841.300
Phải thu về thanh lý tài sản, bất động sản đầu tư và chuyển nhượng dự án	116.853.085	76.548.668
Phải thu tiền bán căn hộ	17.792.679	28.768.815
TỔNG CỘNG	1.772.653.862	1.607.110.089
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	1.306.664.665	1.324.091.905
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 36)</i>	465.989.197	283.018.184

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	10.089.849	3.369.230
Dự phòng lập trong năm	25.671.473	6.720.619
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.436.802)	-
Số cuối năm	28.324.520	10.089.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.084.871.410	755.208.152
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị	226.917.728	585.491.717
<i>Trong đó:</i>		
<i>HongKong Tongqing International Trading Limited Company</i>	-	244.247.966
<i>Công ty TNHH Diary Việt Nam</i>	26.295.632	-
<i>Trả trước cho các nhà thầu khác</i>	200.622.096	341.243.751
Trả trước cho thầu phụ các dự án sân bay	3.214.912	320.383.086
Trả trước cho việc mua đất và các dự án bất động sản	<u>1.834.466</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>1.316.838.516</u>	<u>1.661.082.955</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước các bên liên quan (TM số 36)</i>	731.281.859	489.232.072
<i>Trả trước các bên khác</i>	585.556.657	1.171.850.883

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 36) (i)	1.976.619.350	3.581.551.780
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	<u>57.737.906</u>	<u>118.436.342</u>
	<u>2.034.357.256</u>	<u>3.699.988.122</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 36) (i)	4.975.852.142	5.050.459.374
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	571.518.003	843.568.572
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	<u>170.000.598</u>	<u>167.980.345</u>
	<u>5.717.370.743</u>	<u>6.062.008.291</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.751.727.999</u>	<u>9.761.996.413</u>

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan có thời hạn hoàn trả từ năm 2017 đến năm 2020 và lãi suất trung bình từ 6% đến 15%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

- (ii) Cho vay dài hạn và ngắn hạn các bên khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 9 năm 2021 với lãi suất trung bình từ 10% đến 15,1%/năm, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	212.033.194	145.403.194
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki	135.441.322	57.628.773
Công ty TNHH Điện Quang Trung	110.000.000	62.945.000
Khác	<u>171.781.393</u>	<u>696.027.947</u>
TỔNG CỘNG	<u>629.255.909</u>	<u>962.004.914</u>

- (iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cấn trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm (USD)	7.482.421	21.900.188
Tăng trong năm	-	2.000.000
Giảm trong năm	-	<u>(16.417.767)</u>
Số cuối năm (USD)	<u>7.482.421</u>	<u>7.482.421</u>
Số cuối năm (Ngàn VND)	<u>170.000.598</u>	<u>167.980.345</u>

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Lãi cho vay các công ty	1.672.681.113	1.511.776.819
Tạm ứng cho nhân viên	1.243.347.511	896.888.290
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	51.578.038	216.180.954
Lãi cho vay nhân viên	44.289.460	1.144.114
Phải thu ngắn hạn khác	19.076.113	24.799.150
	314.389.991	372.764.311
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 36)	1.381.308.662	991.000.699
Phải thu các bên khác	291.372.451	520.776.120
Dài hạn	633.288.523	79.895.279
Cho mượn các công ty	397.983.108	-
Phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	132.347.166	-
Lãi cho vay các công ty	81.356.191	23.349.092
Các khoản ký quỹ dài hạn	20.931.632	18.174.130
Phải thu dài hạn khác	670.426	38.372.057
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 36)	588.990.280	-
Phải thu các bên khác	44.298.243	79.895.279
TỔNG CỘNG	<u>2.305.969.636</u>	<u>1.591.672.098</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Thể hiện khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án bò với Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai và dự án vườn cây ăn quả với Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện.

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.403.667.094	2.428.332.779
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hoạt động xây dựng</i>	601.329.775	516.598.857
<i>Chi phí nuôi bò thịt (i)</i>	419.894.535	1.389.087.259
<i>Hoạt động sản xuất</i>	381.653.599	521.785.649
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	789.185	861.014
Chi phí các căn hộ xây để bán (ii)	134.333.625	644.705.652
Nguyên vật liệu	160.086.800	470.738.184
Công cụ, dụng cụ	70.023.675	17.666.745
Thành phẩm	29.303.407	38.557.275
Vật liệu xây dựng	15.206.574	41.367.158
Hàng hóa	9.533.507	10.267.024
TỔNG CỘNG	1.822.154.682	3.651.634.817
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.688.105)	(5.182.807)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.789.466.577	3.646.452.010

- (i) Chi phí nuôi bò thịt trị giá 363.165.199 ngàn VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 25).
- (ii) Trong giá trị các căn hộ để bán của dự án Bàu Thạc Gián, một số căn hộ với tổng trị giá 35.976.301 ngàn VND và chung cư HAGL-BIDV thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk trị giá 85.207.487 ngàn VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 25).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	2.027.845.679	1.721.098.732	1.253.985.172	8.472.187	2.045.893.942	59.226.504	7.116.522.216
Tăng trong năm	1.385.831.507	399.016.524	838.802.168	427.498	1.141.113.289	5.670.836	3.770.861.822
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.246.653.866	346.028.989	691.260.000	-	775.786.194	864.581	3.060.593.630
Mua trong năm	117.672.423	42.042.608	120.655.921	316.450	321.859.777	4.862.728	607.409.907
Tăng từ mua công ty con	25.988.803	2.021.522	56.974.590	107.770	71.217.751	-	156.310.436
Chênh lệch tỷ giá	(4.483.585)	8.923.405	(30.088.343)	3.278	(27.750.433)	(56.473)	(53.452.151)
Giảm trong năm	(64.488.033)	(58.997.360)	(94.439.890)	(668.631)	(576.661.868)	(15.313.305)	(810.569.087)
Thanh lý	(64.076.595)	(16.504.865)	(85.995.350)	(668.631)	(576.661.868)	(15.313.305)	(759.220.614)
Thanh lý công ty con	(411.438)	(42.492.495)	(8.444.540)	-	-	-	(51.348.473)
Số cuối năm	3.349.189.153	2.061.117.896	1.998.347.450	8.231.054	2.610.345.363	49.584.035	10.076.814.951
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(252.300.871)	(346.413.427)	(217.479.551)	(5.016.403)	(102.967.326)	(15.566.219)	(939.743.797)
Tăng trong năm	(134.861.312)	(130.502.471)	(139.575.551)	(992.084)	(162.266.923)	(5.671.949)	(573.870.290)
Khấu hao trong năm	(132.291.081)	(130.631.131)	(130.862.985)	(914.036)	(168.651.116)	(5.715.250)	(569.065.599)
Tăng từ mua công ty con	(9.018.726)	(964.918)	(11.715.083)	(74.570)	(4.515.051)	-	(26.288.348)
Chênh lệch tỷ giá	6.448.495	1.093.578	3.002.517	(3.478)	10.899.244	43.301	21.483.657
Giảm trong năm	24.017.812	38.837.047	19.250.207	623.012	18.137.468	926.787	101.792.333
Thanh lý	23.674.949	6.760.085	14.512.656	623.012	18.137.468	926.787	64.634.957
Thanh lý công ty con	342.863	32.076.962	4.737.551	-	-	-	37.157.376
Số cuối năm	(363.144.371)	(438.078.851)	(337.804.895)	(5.385.475)	(247.096.781)	(20.311.381)	(1.411.821.754)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	1.775.544.808	1.374.685.305	1.036.505.621	3.455.784	1.942.926.616	43.660.285	6.176.778.419
Số cuối năm	2.986.044.782	1.623.039.045	1.660.542.555	2.845.579	2.363.248.582	29.272.654	8.664.993.197
Trong đó:							
Tài sản sử dụng để cầm cố /thể chấp các khoản vay (TM số 25)	2.986.044.782	1.623.039.045	1.660.542.555	-	2.363.248.582	-	8.632.874.964
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết	7.281.034	11.635.053	20.643.098	1.736.435	-	1.500.217	42.795.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Ngân VND</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm (<i>Trình bày trước đây</i>)	12.295.495	134.285.181	146.580.676
Số đầu năm (<i>Trình bày lại - TM số 40</i>)	1.271.049.771	134.285.181	1.405.334.952
Chênh lệch tỷ giá	24.204.895	-	24.204.895
Số cuối năm	1.295.254.666	134.285.181	1.429.539.847
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(417.086)	(35.199.852)	(35.616.938)
Hao mòn trong năm	(25.048.580)	(16.772.829)	(41.821.409)
Số cuối năm	(25.465.666)	(51.972.681)	(77.438.347)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm (<i>Trình bày trước đây</i>)	11.878.409	99.085.329	110.963.738
Số đầu năm (<i>Trình bày lại</i>)	1.270.632.685	99.085.329	1.369.718.014
Số cuối năm	1.269.789.000	82.312.500	1.352.101.500
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố /thể chấp các khoản vay (TM số 25)</i>	1.269.789.000	82.312.500	1.352.101.500
<i>Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết</i>	-	294.964	294.964

- (*) Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất trả trước của dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar trị giá 1.211.604.074 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BÁT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Văn phòng cho thuê	Trung tâm thương mại	Ngàn VND
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	64.477.600	19.597.252	-	-	84.074.852
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành (*)	-	-	2.409.421.034	1.138.843.022	3.548.264.056
Thanh lý trong năm	(64.477.600)	-	-	-	(64.477.600)
Số cuối năm	-	19.597.252	2.409.421.034	1.138.843.022	3.567.861.308
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	-	(2.349.358)	-	-	(2.349.358)
Khấu hao trong năm	-	(684.083)	(31.772.520)	(22.516.125)	(54.972.728)
Số cuối năm	-	(3.033.441)	(31.772.520)	(22.516.125)	(57.322.086)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	64.477.600	17.247.894	-	-	81.725.494
Số cuối năm	-	16.563.811	2.377.648.514	1.116.326.897	3.510.539.222
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố /thé chắp các khoản vay (TM số 25)</i>	-	16.563.811	2.377.648.514	1.116.326.897	3.510.539.222

(*) Giá trị Văn phòng cho thuê và Trung tâm Thương mại thuộc dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar - Giai đoạn 1 đã hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	460.341.756	13.787.888
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	151.874.795	8.716.248

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Giám đốc Tập đoàn tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỎ DANG

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại - TM số 40)
Chi phí phát triển vườn cây cao su	9.412.151.145	6.617.428.619
Nhà máy thủy điện (*)	3.435.534.450	3.305.411.052
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu	3.243.680.311	3.161.851.164
Nhà xưởng và nhà máy nông trường	694.803.144	589.682.433
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	638.772.312	-
Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	307.993.752	4.283.670.334
Chi phí phát triển vườn tiêu	119.602.634	83.114.339
Văn phòng cho thuê	-	793.334.270
Chi phí xây dựng chuồng bò	4.726.452	239.012.337
Học viện bóng đá HAGL - Arsenal JMG	39.910.578	47.140.970
Khác	86.689.634	68.035.342
TỔNG CỘNG	17.983.864.412	19.188.680.860

Vườn cây cao su, cây cọ dầu, Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar, nhà máy thủy điện, vườn tiêu, chi phí dự án bò và các công trình khác đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (TM số 25).

(*) Bao gồm trong số dư này là khoản giá trị dự án Thuỷ điện Nậm Kông 2 tại Lào trị giá 2.601.728.961 ngàn VND, hiện đang trong quá trình chuyển giao cho đối tác và Tập đoàn đã nhận được một khoản tiền ứng trước từ đối tác này (TM số 21).

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay trị giá 929.048.293 ngàn VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.143.044.636 ngàn VND). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các tài sản cố định, công trình thủy điện, cao su, cọ dầu và các dự án khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngàn VND
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("CNGL") (i)	Chăn nuôi và cây ăn quả	23,46	599.017.484	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	259.139.025	47,80	244.809.722
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	7.609.521	25,00	7.489.918
TỔNG CỘNG			865.766.030		252.299.640

- (i) Vào ngày 10 tháng 8 năm 2016, công ty con trong Tập đoàn, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên đã mua thêm 14.850.000 cổ phiếu tương đương với 18,56% tỷ lệ sở hữu trong CNGL từ Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú (bên liên quan) với tổng giá mua là 550.000.000 ngàn VND, qua đó tăng tỷ lệ sở hữu trong CNGL lên 23,46% và trở thành công ty liên kết trong Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, một công ty ở Việt Nam, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900988952, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 3 tháng 6 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính của CNGL là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt, bò sữa và cây ăn quả.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Ngàn VND
	<i>Tổng cộng</i>
Giá trị đầu tư	
Số đầu năm	254.797.803
Tăng giá trị đầu tư	<u>601.756.108</u>
Số cuối năm	<u>856.553.911</u>
Phần (lỗ) lợi nhuận lũy kế sau khi đầu tư	
Số đầu năm	(2.498.163)
Lợi nhuận chưa thực hiện được trừ	<u>(5.070.461)</u>
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	<u>16.780.743</u>
Số cuối năm	<u>9.212.119</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>252.299.640</u>
Số cuối năm	<u>865.766.030</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngàn VND
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	-	-	4,90	39.200.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai (i)	-	-	19,26	24.636.246
Các khoản đầu tư khác	-	5.901.903	-	5.901.903
TỔNG CỘNG		12.101.903		75.938.149

- (i) Vào ngày 2 tháng 5 năm 2016, Công ty đã thanh lý toàn bộ cổ phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai cho Bà Nguyễn Thị Nga (bên liên quan) với tổng trị giá 24.636.250 ngàn VND. Trong năm, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền bán cổ phần này.

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí phát triển vườn mía	618.978.018	658.413.797
Công cụ, dụng cụ	380.772.736	134.418.866
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	186.650.601	-
Chi phí khai hoang và trồng cỏ	109.762.962	121.112.688
Tiền thuê đất	73.795.185	91.834.191
Chi phí đào tạo học viện bóng đá HAGL - JMG	57.955.720	63.699.738
Chi phí thuê văn phòng	25.358.651	26.054.715
Chi phí phát triển vườn bắp	-	49.185.469
Chi phí trả trước dài hạn khác	43.902.008	11.795.634
TỔNG CỘNG	1.497.175.881	1.156.515.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Ngàn VND	Giá trị
Nguyên giá		
Số đầu năm (<i>Trình bày trước đây</i>)	479.247.555	
Số đầu năm (<i>Trình bày lại</i>)	1.078.228.406	
Tăng từ mua công ty con (i)	2.135.505.198	
Giảm trong năm	<u>(17.592.789)</u>	
Số cuối năm	<u>3.196.140.815</u>	
Giá trị phân bổ lũy kế		
Số đầu năm	(4.737.360)	
Phân bổ trong năm	<u>(150.494.855)</u>	
Số cuối năm	<u>(155.232.215)</u>	
Giá trị còn lại		
Số đầu năm (<i>Trình bày trước đây</i>)	<u>474.510.195</u>	
Số đầu năm (<i>Trình bày lại - TM số 40</i>)	<u>1.073.491.046</u>	
Số cuối năm	<u>3.040.908.600</u>	

- (i) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương, cùng các công ty con và Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (TM số 4).

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền sử dụng đất dự án Khu phức hợp			
Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	451.447.328	490.407.288	
Phải trả nhà thầu xây dựng	446.817.869	300.130.687	
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	408.139.015	152.218.598	
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	5.256.463	114.681.513	
Phải trả người bán khác	<u>7.749.101</u>	<u>66.210.000</u>	
TỔNG CỘNG	<u>1.319.409.776</u>	<u>1.123.648.086</u>	
<i>Trong đó:</i>			
Phải trả người bán khác	1.254.386.264	1.021.126.780	
Phải trả các bên liên quan (TM số 36)	65.023.512	102.521.306	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND
	Số đầu năm	
Nhà đầu tư (Chaleun Sekong Group) Ứng tiền trước mua cổ phần công ty con (TM số 14)	1.937.491.633	-
Khách hàng thương mại trả tiền trước	883.696.039	796.834.695
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Bò Đông Dương	-	574.711.583
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Bình Hà	103.163.300	105.643.300
Các khách hàng khác	780.532.739	116.479.812
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước (i)	531.096.293	374.145.290
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	193.716.544	267.453.816
TỔNG CỘNG	3.546.000.509	1.438.433.801
<i>Trong đó:</i>		
Các khách hàng khác	3.327.865.405	1.186.629.294
Các bên liên quan (TM số 36)	218.135.104	251.804.507

- (i) Khoản nhận tiền ứng trước từ khách hàng mua căn hộ tại dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Ngàn VND
				Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 35.1)	1.519.411	-	-	1.519.411
Thuế khác	719.366	12.102.687	(3.282.293)	9.539.760
TỔNG CỘNG	2.238.777	12.102.687	(3.282.293)	11.059.171
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	162.239.198	107.414.388	(168.013.814)	101.639.772
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 35.1)	67.994.260	21.990.156	(25.424.754)	64.559.662
Thuế thu nhập cá nhân	6.582.518	11.285.867	(4.739.358)	13.129.027
Thuế khác	38.584.900	20.300.922	(42.465.887)	16.419.935
TỔNG CỘNG	275.400.876	160.991.333	(240.643.813)	195.748.396

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND
	Số đầu năm	
Chi phí lãi vay	720.378.010	789.498.692
Chi phí hoạt động	71.098.565	19.889.639
Chi phí phát hành trái phiếu	54.980.000	-
TỔNG CỘNG	846.456.575	809.388.331

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn các công ty	1.535.617.649	1.217.547.588
Phải trả lãi vay	900.490.146	1.117.587.465
Phải các cá nhân khác	240.759.476	635.570
Phải trả tiền thuê đất	137.404.447	10.422.712
Phí bảo trì căn hộ	29.593.804	14.649.561
Các khoản khác	13.573.215	14.386.625
	213.796.561	59.865.655
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả ngắn hạn các bên khác	1.095.847.319	1.085.376.643
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 36)	439.770.330	132.170.945
Dài hạn		
Phải trả Hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	1.374.575.760	546.724.865
Nhận ký quỹ dài hạn (ii)	550.000.000	-
Tiền thuê đất phải trả	225.056.393	155.032.207
Các khoản khác	202.945.354	185.951.658
	396.574.013	205.741.000
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả dài hạn các bên khác	824.575.760	546.724.865
Phải trả dài hạn các bên liên quan (TM số 36)	550.000.000	-
TỔNG CỘNG	2.910.193.409	1.764.272.453

- (i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên - công ty con trong Tập đoàn, và Công ty TNHH An Tiển ("An Tiển"), bên liên quan, để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản với tổng giá trị dự án là 963.968.249 ngàn VND và thời hạn 5 năm theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐHT ngày 20 tháng 5 năm 2016. Theo đó, An Tiển sẽ góp 700 tỷ VND vốn đầu tư vào dự án. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, An Tiển đã góp số tiền là 550 tỷ VND. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên.
- (ii) Khoản nhận ký quỹ dài hạn chủ yếu là tiền ký quỹ thuê căn hộ, trung tâm thương mại và văn phòng dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngàn VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn				
Trái phiếu chuyển đổi (TM số 25.1)	1.100.000.000	-	-	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 25.2)	3.199.546.106	4.157.837.407	(6.248.013.003)	1.109.370.510
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 25.4)	1.194.348.748	299.804.691	(646.130.588)	848.022.851
Vay ngắn hạn khác (TM số 25.5)	-	193.145.986	(1.119.000)	192.026.986
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	2.803.860.293	300.000.000	(1.155.660.644)	1.948.199.649
Trong đó:				
Trái phiếu kèm chứng quyền (TM số 25.7)	300.000.000	-	(300.000.000)	-
Trái phiếu hoán đổi (TM số 25.6)	1.130.000.000	-	-	1.130.000.000
Trái phiếu thường trong nước (TM số 25.3)	1.373.860.293	300.000.000	(855.660.644)	818.199.649
	8.297.755.147	4.950.788.084	(8.050.923.235)	5.197.619.996
Vay dài hạn				
Trái phiếu thường trong nước (TM số 25.3)	10.191.116.964	4.238.150.516	(2.918.851.306)	11.510.416.174
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 25.4)	8.551.446.715	3.283.965.793	(2.214.692.090)	9.620.720.418
Vay dài hạn khác (TM số 25.5)	58.896.235	301.298.977	(47.108.260)	313.086.952
	18.801.459.914	7823.415.286	(5.180.651.656)	21.444.223.544
TỔNG CỘNG	27.099.215.061	12.774.203.370	(13.231.574.891)	26.641.843.540

Trong năm, Tập đoàn đã hoàn thành việc tái cơ cấu các khoản nợ vay và trái phiếu với các bên cho vay, bao gồm việc gia hạn thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu từ 4 - 10 năm; gia hạn thời gian trả nợ lãi thêm từ 1 đến 3 năm, giảm lãi suất, lãi phạt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2010, HĐQT thông qua phương án và kế hoạch chi tiết thực hiện việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND cho Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd ("NIMP"), một công ty thành viên của Tập đoàn Temasek Holdings Pte Ltd của Singapore phù hợp với các nội dung của phương án phát hành đã được các cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 18 tháng 8 năm 2010. Vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND với mệnh giá là 1 triệu VND/trái phiếu. Hợp đồng mua bán trái phiếu được ký ngày 31 tháng 8 năm 2010, điều chỉnh lần đầu vào ngày 26 tháng 3 năm 2013 và điều chỉnh lần 2 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 3107/15/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 31 tháng 7 năm 2015 và nhận được sự chấp thuận của NIMP với các điều khoản và điều kiện chính như sau:

- Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.
- Ngày Đến hạn: Ngày đến hạn gia hạn là ngày 31 tháng 8 năm 2017.
- Giá chuyển đổi phụ thuộc vào Điều khoản chống pha loãng.
- Chuyển đổi và Điều khoản chống pha loãng: Trái Phiếu có thể được chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần được phát hành của Công ty từ ngày 1 tháng 8 năm 2013 cho đến Ngày Đến hạn. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây: (i) phát hành cổ phiếu thường, (ii) chia tách cổ phần, (iii) hợp nhất các cổ phần, hoặc (iv) phân loại lại cổ phần; (v) chia cổ tức, (vi) phát hành cổ phần mới thấp hơn giá thị trường của mỗi cổ phần tại thời điểm đó và (vii) bất kỳ sự kiện gây pha loãng nào khác.
- Quyền yêu cầu Công ty mua lại Trái phiếu: Tại bất kỳ thời điểm nào từ ngày 31 tháng 8 năm 2013 đến Ngày Đến hạn, Chủ sở hữu có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái phiếu với giá thỏa thuận. Theo đó, các trái phiếu trên đã được trình bày trong phần nợ ngắn hạn của báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lãi suất: ba phần trăm (3%) một năm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ tổng nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đã vượt quá tỷ lệ cho phép được quy định trong hợp đồng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình bàn bạc với đối tác về các phương án chuyển đổi trái phiếu này.

25.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	541.434.117	1.896.279.457
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	350.471.619	853.351.981
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") - Chi nhánh Đồng Nai	193.307.774	449.914.668
Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Campuchia	24.157.000	-
TỔNG CỘNG	1.109.370.510	3.199.546.106

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà xưởng và văn phòng, máy móc thiết bị, vườn cây cao su, vườn cây cọ dầu và đàn bò của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
		USD			
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>					
Khoản vay 1	504.124.600	504.124.600	- Từ ngày 1 tháng 5 năm 2017 đến ngày 8 tháng 7 năm 2017	6,5 - 9%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay thuộc dự án chăn nuôi bò thịt tại Huyện Chuprong, Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("BSTN")
Khoản vay 2	37.309.517	37.309.517	- Từ ngày 2 tháng 5 năm 2017 đến ngày 27 tháng 9 năm 2017	8,64 - 10,2%/năm	Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL bao gồm quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất trị giá 257 tỷ VND; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tổng trị giá 50,7 tỷ VND
TỔNG CỘNG	<u>541.434.117</u>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
		Ngàn VND	Ngàn VND	USD	
<i>Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu</i>					
Khoản vay 1 (của Nhóm Công ty Mía đường vào ngày 31 tháng 8 năm 2016)	216.919.925	- 9.686.243	Từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến 24 tháng 6 năm 2017	8%/năm	Máy cắt mía trị giá 5,136 tỷ LAK của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu - công ty con; Quyền sử dụng đất 18.313 m ² tại Huyện Samakhixay, Tỉnh Attapeu và tài sản liên quan trị giá 46,122 tỷ LAK của công ty TNHH PTNN Hoàng Anh Attapeu ("HAA")
Khoản vay 2	133.551.694	- 5.982.684	Từ ngày 28 tháng 3 năm 2017 đến 7 tháng 9 năm 2017	8%/năm	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Laman, Sekong, Lào; toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò; toàn bộ đàn bò nhập về của Công ty TNHH Công nghiệp - Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh Quang Minh ("HAQM")
TỔNG CỘNG	350.471.619				
HDBank, Chi nhánh Gia Lai	192.510.774	192.510.774	- Từ ngày 18 tháng 1 năm 2017 đến 15 tháng 5 năm 2017	10,5%/năm	Đàn bò thịt hình thành từ vốn vay thuộc sở hữu của công ty CSTN
HDBank, Chi nhánh Đăk Lăk	797.000	797.000	- Từ ngày 28 tháng 2 năm 2017 đến 26 tháng 4 năm 2017	10,5%/năm	Đàn bò sinh sản và bê con sinh ra thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk
TỔNG CỘNG	193.307.774				
Ngân hàng Sacombank, Chi nhánh Campuchia	24.157.000	- 1.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	9%/năm	Quyền sử dụng đất thuê lâu dài tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Ratanakiri và Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Rattanakiri của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Oyada

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thường trong nước

Trong năm, một số trái phiếu đã được tái cơ cấu với chi tiết như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Ngàn VND Số đầu năm Giá trị</i>
		<i>Giá trị</i>	<i>Ngày đến hạn</i>	
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	Ngày 25 tháng 4 năm 2012	820.108.381	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2023	1.760.450.342
	Ngày 30 tháng 12 năm 2016	240.000.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020	-
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	Ngày 30 tháng 12 năm 2016	6.546.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	-
	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2013 đến 17 tháng 8 năm 2015	-		5.950.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	930.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	-
	Ngày 1 tháng 4 năm 2014	-		650.000.000
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS")	Ngày 28 tháng 11 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 12 năm 2021	1.000.000.000
	Ngày 29 tháng 12 năm 2016	183.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2020	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	Ngày 27 tháng 8 năm 2015	600.000.000	Từ ngày 27 tháng 12 năm 2021	600.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	Ngày 17 tháng 11 năm 2015	1.700.000.000	Từ ngày 17 tháng 12 năm 2018 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	1.700.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IBSC") và VPB	Ngày 27 tháng 12 năm 2016	431.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2020	-
Chi phí phát hành trái phiếu		(121.492.558)		(95.473.085)
TỔNG CỘNG		12.328.615.823		11.564.977.257
<i>Trong đó:</i>				
Trái phiếu dài hạn		11.510.416.174		10.191.116.964
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		818.199.649		1.373.860.293

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
ACBS Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	240.000.000	Năm thứ nhất 10%, năm thứ hai trở đi lãi suất sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp kỳ hạn mười ba tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm (2016: 10%/năm)	Từ ngày 30 tháng 12 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su (Tỉnh Rattanakiri, Campuchia); dự án nhà máy mía đường, nhiệt điện, ethanol và phân vi sinh (Tỉnh Attapeu, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào ("Lào")); dự án thủy điện Nậm Kông 2 (Tỉnh Attapeu, Lào) và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	12.960.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 13.405.675 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ; 45.230.000 cổ phiếu của CNGL sở hữu bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Bắc Á (*) Hoàng Phú Sơn	520.000.000	Bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười ba (13) tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 6,5%/năm (2016: 10 - 13,8%/năm)	Ngày 27 tháng 4 năm 2017		76.521.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 10.800.000 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ
Công ty Cổ phần Việt Golden Farm	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng của NHTMCP Tiên Phong + 4,5% (2016: 10%/năm)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu phức hợp Hoàng Anh Myanmar của Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar ("HAGL Myanmar")

1.060.108.381

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn
đến hạn trả 518.199.647

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị tài sản đảm bảo của trái phiếu này không bằng tối thiểu 130% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
BIDV và BIDV BSC	6.546.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) NHTM tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3%/năm (2016: 9,75%/năm)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: - 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HAQM; - 51 ha tại Tỉnh Attapeu, và 2.723,9 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong thuộc sở hữu Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu; - 9.996,9 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu ; 5.588ha (trồng cao su) và 2.093,6 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; - 9.380,9 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu Công ty TNHH Một Thành viên Hoàng Anh Andong Meas; - 1.960,91 ha tại Tỉnh Rattanakiri thuộc sở hữu Công ty TNHH MTV Heng Brothers; - 3.283,66 ha tại Tỉnh Rattanakiri, thuộc sở hữu Công ty TNHH MTV C.R.D Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG Công ty do ông Chủ tịch HĐQT nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
PHUGIASC	Ngân hàng HD - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	930.000.000	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần và bằng chi phí vốn (COF) VND 12 tháng do ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM cộng với biên độ 3,5%/năm (lãi suất năm 2016 là 10%/năm)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn Chủ tịch HĐQT; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty	74.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 10.800.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty
VPBS	VPB	1.000.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi đối với tổ chức kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng với biên độ áp dụng cho ba (3) kỳ tính lãi thuộc năm đầu tiên là 3,5%/năm và các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,25%/năm (2016: 9,45 - 10,05%/năm)	Ngày 28 tháng 12 năm 2021	Hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai với CNGL (600 tỷ VND), và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (400 tỷ VND)	203.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 4.700.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 19.940.000 cổ phiếu HNG tại Công ty Cổ phần Đông Pênh và dự án Daun Penh với quy mô 73.760.785 m ² tại Tỉnh Rattarakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
IBSC	VPB	183.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của NH VN Thịnh Vượng được xác định tại ngày xác định LS + biên độ 4%/năm	Ngày 29 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	234.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; dự án 7.376,08 ha cỏ dầu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico tại xã Chey Ou Dom, huyện Lumphat, tỉnh Ratanakiri, Campuchia và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT
IBSC	VPB	431.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của NH VN Thịnh Vượng được xác định tại ngày xác định LS + biên độ 4%/năm	Ngày 27 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	234.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; dự án 7.376,08 ha cỏ dầu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico tại xã Chey Ou Dom, huyện Lumphat, tỉnh Ratanakiri, Campuchia và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
FPTS và VPB	VPB	600.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi bằng VND đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB - Sở Giao Dịch được xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất ("Lãi Suất Tham Chiếu") cộng với biên độ là 4,5%/năm (2016: 10,7% - 11,4%/năm)	Ngày 27 tháng 12 năm 2021	Dự án chăn nuôi bò thịt tại xã Ia Băng, Huyện Chu Prông, Tỉnh Gia Lai cho Công ty Bò sữa Tây Nguyên, là công ty con, dưới hình thức hợp tác đầu tư	196.368.900 cổ phần HAN và các khoản tiền, tài sản còn lại thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty sau khi được TPBank - Sacombank xóa thế chấp hoàn trả thanh toán lại theo hợp đồng bảo lãnh 178 và hợp đồng vay ngày 18 tháng 4 năm 2013; tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Phức hợp Hoàng Anh Myanmar của HAGL Myanmar (Thành phố Yangon, Myanmar); vốn góp 51 triệu USD của HAN vào HAGL Myanmar; 225.970.000 cổ phần của Thủy điện HAGL, 234.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 19.940.000 cổ phần của HNG tại Công ty Cổ phần Đông Pênh và dự án Daun Penh với quy mô 73.760.785 m ² tại Tỉnh Rattarakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico
ECS (**)	VPB	1.400.000.000	Bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5%/năm (2016: 10,5 - 11,3%/năm)	Ngày 17 tháng 12 năm 2021	Cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành vào tháng 12 năm 2012; bổ sung vốn cho các dự án trồng và chăm sóc cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào, bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Tập đoàn	181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty (trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để thế chấp cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND - Trái phiếu HAGL 600 của Công ty)
Ngân hàng TMCP Quốc Dân		300.000.000		Ngày 17 tháng 12 năm 2018		

(**) Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, giá trị tài sản đảm bảo của các trái phiếu này không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố đã ký kết. Tuy nhiên, đối với trái phiếu nắm giữ bởi VPB, ngày đến hạn sau phê duyệt gia hạn mới là ngày 17 tháng 12 năm 2021, theo đó, Tập đoàn vẫn trinh bày khoản trái phiếu này là nợ dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ("TPbank") (*)	2.962.524.517	3.155.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	3.778.546.313	2.868.532.269
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt")		
- Chi nhánh Attapeu	1.391.677.219	1.397.191.001
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank")	1.341.912.616	937.322.850
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	994.082.604	1.208.568.105
Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB") - Chi nhánh Gia Lai		
TỔNG CỘNG	10.468.743.269	9.745.795.463
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	9.620.720.418	8.551.446.715
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	848.022.851	1.194.348.748

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án xây dựng và phát triển thủy điện, trồng cây cao su và mía, phát triển dự án bò thịt, xây dựng trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng, khách sạn và mua sắm máy móc thiết bị của Tập đoàn.

(*) Theo Thỏa thuận sửa đổi ngày 30 tháng 9 năm 2016, Ngân Hàng TMCP Tiên Phong thay thế vai trò của Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam trong hợp đồng tín dụng cho vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
TPBank, Hội sở	<u>2.962.524.517</u>	129.992.300	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2017 đến ngày 17 tháng 6 năm 2023	Lãi suất LIBOR 3 tháng bằng USD vào thời điểm giải ngân + 7,8%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần	Tổng giá trị tài sản hình thành trong tương lai từ dự án “Trung tâm Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar” thuộc sở hữu của HAGL Myanmar; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty - tài sản này hiện đang đồng thời thế chấp cho trái phiếu 930 tỷ sở hữu bởi HDBank, trái phiếu 600 tỷ sở hữu bởi VPBank, trái phiếu 300 tỷ sở hữu bởi Công ty Cổ Phần Việt Golden Farm (TM số 25.3) và khoản vay HDBank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai (TM số 25.2)
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả		455.800.000			
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>					
Khoản vay 1	731.055.979	32.077.928	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2016: 7%/năm)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu bởi HAA
Khoản vay 2	80.054.199	3.542.200	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2016 đến ngày 26 tháng 9 năm 2024	Lãi suất suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5%/năm (2016: 7%/năm)	Văn phòng làm việc Hội sở chính HAGL tại số 15 Trường Chinh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và Khách sạn HAGL tại số 1 Phù Đổng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
Ngàn VND				
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo)</i>				
Khoản vay 3	225.859.830	Từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 4 năm 2022	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,2%/năm (2016: 9,5 - 11,5%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("BSTN")
Khoản vay 4	79.544.318	Từ ngày 4 tháng 5 năm 2017 đến ngày 4 tháng 5 năm 2022	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,2%/năm (2016: 10,65 - 11,65%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò tại Gia Lai của BSTN
Khoản vay 5	65.968.272	Từ ngày 5 tháng 12 năm 2017 đến ngày 5 tháng 12 năm 2022	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3%/năm nhưng không thấp hơn tại thời điểm cho vay, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (2016: 9,65%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò tại Xã Ia Băng, Tỉnh Gia Lai của BSTN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn USD	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
------------------	-------------------------	-----------------------	---	----------	---

BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo)

Khoản vay 6	761.457.207	473.876.601	12.618.719	Từ ngày 13 tháng 03 năm 2019 đến ngày 15 tháng 6 năm 2020
Khoản vay 7	600.569.351	474.725.354	5.522.001	Từ năm 2017 đến ngày 20 tháng 10 năm 2020

USD: 4,55 -
7%/năm

VND: 8,9 -
11%/năm

Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai
vườn cao su 1.194,74 ha tại Tỉnh Gia Lai của CSTN; số
dư tiền gửi ngân hàng 10.700.000 ngàn VND tại BIDV
(TM số 5); và căn hộ và một phần khu Thương mại Bàu
Thạc Gián, Đà Nẵng

5,05 -
10,5%/năm

Công trình khu liên hợp học viện bóng đá HAGL của
Thể thao HAGL; công trình đại học Y Dược HAGL của
Bệnh viện HAGL; tài sản gắn liền với đất hình thành
trong tương lai (vườn cao su 1.194,74 ha và các lợi ích
hợp pháp khác từ vườn cây trên xã Po Tó, Gia Lai)
của CSTN ; số dư tiền gửi ngân hàng 14.703.000 ngàn
VND tại BIDV (TM số 5)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngàn VND	USD			
<i>BIDV, Chi nhánh Bình Định</i>					
Khoản vay 1 (của Nhóm công ty Mía đường vào ngày 31 tháng 8 năm 2016)	577.159.925	25.772.235	Từ ngày 30 tháng 12 năm 2016 đến ngày 21 tháng 4 năm 2023	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau +3,5%/năm (2016: 7%/năm)	Quyền thuê và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha đất tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu, Lào của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu
Khoản vay 2	656.877.232	29.436.736	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2015 đến ngày 25 tháng 12 năm 2022	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5%/năm (2016: 7,5%/năm)	Cao ốc Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai; quyền sử dụng đất tại Hồ sinh thái Đồng Đa, Thành phố Quy Nhơn; nhà máy đá Grannite HAGL tại Tỉnh Gia Lai; số dư tiền gửi ngân hàng 52.399.463 ngàn VND tại BIDV (TM số 5); quyền sử dụng 6.993,2 m ² đất tại Phù Đổng, Pleiku, Gia Lai - thuộc sở hữu của Công ty; 117 căn hộ thuộc khu căn hộ cao cấp HAGL-BIDV gắn liền quyền sử dụng đất tại Tỉnh Đăk Lăk của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk; và một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào của HAA
TỔNG CỘNG BIDV	<u>3.778.546.313</u>				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	338.652.495				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngàn VND	USD			
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn (*)	262.454.604		- Từ năm 2021 đến tháng 12 năm 2026	1,125%/tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 4 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng cộng 0,3333%/tháng (2016: 11,55%/năm)	23.200.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT và 14,5 triệu Cổ phần Công ty Cổ phần Hoàng Anh Quang Minh thuộc sở hữu của HNG
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn	300.000.000		- Ngày 28 tháng 12 năm 2021	12 tháng đầu: 10%/năm; từ tháng thứ 7: lãi suất tiền gửi 13 tháng cộng 2,5%/năm, điều chỉnh mỗi 3 tháng (2016: 10%/năm)	Nguồn thu, hoa lợi từ dự án cao su đã và đang hình thành trên đất tại xã Ea H'leo, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đăk Lăk thuộc sở hữu của Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Đăk Lăk. 18.570.00 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT, 14.500.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty Cổ Phần Thủy Điện HAGL, 4.999.000 cổ phiếu Công ty Cổ Phần Cao Su Hoàng Anh Quang Minh thuộc sở hữu của HNG

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị tài sản đảm bảo của khoản vay này không bằng tối thiểu 100% tổng dư nợ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng cầm cố tài sản. Tuy nhiên khoản vay này đã được phê duyệt gia hạn mới đến tháng 12 năm 2026, theo đó, Tập đoàn vẫn trình bày là nợ dài hạn vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngàn VND	USD			
<i>Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức</i>					
Khoản vay 1	250.000.000		- Từ ngày 29 tháng 5 Lãi suất thả nổi năm 2017 đến ngày 29 tháng 5 năm 2019	(2016: 10%/năm)	Vườn cao su 1.328,1 ha của CSTN, bên liên quan; 1 bìa đỗ 479,2 ha tại xã EaH'leo, Huyện EaH'leo giá trị 95,840 tỷ đồng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk và 1 bìa đỗ 683,33 ha tại xã EaH'leo, Huyện EaH'leo giá trị 97,760 tỷ đồng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê
Khoản vay 2	85.000.000		- Ngày 11 tháng 10 năm 2021	9,5%/năm	Toàn bộ vườn cao su, công trình gắn liền với đất, quyền khai thác và các tài sản khác với tổng diện tích là 13.281.000m ² thuộc sở hữu của CSTN
Sacombank, Chi nhánh Campuchia	96.628.000	4.000.000	Từ ngày 23 tháng 6 năm 2018 đến 23 tháng 6 năm 2021	9%/năm	Quyền sử dụng đất thuê lâu dài tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Rattanakiri và Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Rattanakiri của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Oyada
Tổng cộng Sacombank	<u>994.082.604</u>				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	25.000.000				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25 VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)	
	Ngàn VND	USD	Ngàn LAK			
<i>Ngân hàng Lào - Việt ("LVB"), Chi nhánh Attapeu</i>						
Khoản vay 1	369.671.109	- 135.908.495	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Bằng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng tại LVB + biên độ lãi suất, điều chỉnh 06 tháng/lần (2016: 12 - 12,75%/năm)	Tài sản dự án Thủy điện Nậm Kông 3 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	
Khoản vay 2	423.798.509	18.991.745	- Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	Bằng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng tại LVB + biên độ lãi suất, điều chỉnh 06 tháng/lần (2016: 8 - 9,5%/năm)	Toàn bộ đàn bò nhập về của HA Attapeu	
Khoản vay 3	277.751.463	7.649.850	39.355.143	Từ ngày 21 tháng 6 năm 2018 đến ngày 21 tháng 3 năm 2023	Vay bằng USD: mức vay trung hạn tại LVB, điều chỉnh 6 tháng/lần. Vay bằng LAK: lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 3%/năm, điều chỉnh 6 tháng/lần (2016: 9,5 - 11%/năm cho USD; 12,75 - 13,75%/năm cho LAK)	Quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu bởi HAA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngàn VND	Ngàn VND	USD		
<i>Ngân hàng Lào - Việt ("LVB"), Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)</i>					
Khoản vay 4	223.844.283	- 10.027.500	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2019 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022	9,5%/năm	Quyền sử dụng 03 lô đất 1.001,78ha tại Laman, Xekong, Lào thuộc sở hữu của công ty TNHH Công nghiệp - Nông nghiệp Cao su HAQM. Toàn bộ tài sản trên đất là công trình xây dựng, máy móc thiết bị để thực hiện dự án nuôi bò trị giá 11.372.722USD; Toàn bộ số đần bò nhập về trị giá 26.460.000USD
Khoản vay 5 (*)	96.611.855	- 4.329.481	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2017 đến ngày 30 tháng 11 năm 2020	9,5 - 10,5%/năm	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cơ đầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu bởi HAA
Tổng cộng Ngân hàng Lào - Việt	<u>1.391.677.219</u>				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	24.177.754				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thực hiện thanh toán khoản vay đến hạn trị giá 12.095.535
ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngàn VND	Ngàn VND	USD		
HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	879.445.535	450.000.000	18.827.073	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Khoản vay USD: bằng chi phí vốn (COF) USD + 7%/năm. Khoản vay VND : bằng chi phí vốn (COF) VND + 3,5%/năm (2016: 10,5 - 12%/năm cho VND và 7 - 7,5%/năm cho USD)
	299.706.456	299.706.456		Từ năm 2017 đến 30 tháng 8 năm 2020	10 - 11%/năm
HD Bank - Chi nhánh Gia Lai	99.800.000	99.800.000	-	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2019 đến ngày 30 tháng 9 năm 2021	Lãi suất năm đầu tiên là 12,5%/năm. Lãi suất sẽ được điều chỉnh một năm một lần
HD Bank - Chi nhánh Đăk Lăk	62.960.625	62.960.625	-	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2017 đến ngày 2 tháng 12 năm 2020	10,5 - 11,25%/năm
Tổng cộng HD bank	1.341.912.616				Toàn bộ cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh ("HAN")

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 4.392.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.5 Vay ngắn hạn khác và vay dài hạn khác

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên đối tượng	Số cuối năm			Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất Tài sản thế chấp
	Ngân VND	Ngân LAK	Ngân VND		
Vay ngắn hạn khác					
Ông Đỗ Mai Anh Tuấn	75.524.199	27.766.249	-	Hoàn trả trong vòng 9 tháng kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2015	Không lãi suất
Công ty Cổ Phàn Địa ốc Nhật Hoa	47.322.487	-	47.322.487	Hoàn trả trong vòng 6 tháng kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2016	5,5% - 13%/năm
Bà Trần Thị Hữu Duyên	24.581.000	-	24.581.000	Ngày 27 tháng 8 năm 2016	7%/năm
Công ty Cổ phần Cảnh Hưng Đại Thành	18.000.000	-	18.000.000	Ngày 26 tháng 10 năm 2016	9%/năm
Các cá nhân khác và công ty (*)	26.599.300	-	26.599.300	Từ ngày 3 tháng 3 năm 2016 đến ngày 8 tháng 6 năm 2017	5 - 11%/năm
Tổng cộng vay ngắn hạn khác	192.026.986				
<i>Trong đó:</i>					
Vay bên liên quan (TM số 36)	7.823.000				
Vay dài hạn khác					
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	298.000.000	-	298.000.000	Ngày 28 tháng 9 năm 2018	6%/năm
Cá nhân khác	15.086.952	-	15.086.952	Hoàn trả khi có yêu cầu	Không lãi suất
Tổng cộng vay dài hạn khác	313.086.952				
<i>Trong đó:</i>					
Vay bên liên quan (TM số 36)	298.000.000				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thực hiện thanh toán khoản vay cá nhân đến hạn trị giá 52.409.300 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.6 Trái phiếu hoán đổi

Chi tiết trái phiếu hoán đổi như sau:

Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Northbrooks Investment (Maritius) Pte. Ltd	697.000.000	Lãi suất = 5%/năm x (1+ Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đáo)	Ngày 14 tháng 7 năm 2017	Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của HNG	Tín chấp
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn	433.000.000	"Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đáo" có nghĩa là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VND do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu đến trước ngày 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi			
1.130.000.000					

Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai do Công ty nắm giữ tại bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày Hoàn Tất tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày Hoàn Tất.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ nợ ngắn hạn trên lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao tài sản cố định ("EBITDA") của Công ty và tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của HNG đã vượt mức cho phép theo quy định của hợp đồng mua bán trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình bàn bạc với các đối tác về các phương án thanh toán hoặc hoán đổi trái phiếu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.7 Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, HNG đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. HNG đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của HNG tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của HNG tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của HNG tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS - công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và HNG, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

26. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn chủ yếu thể hiện khoản thuế nhà thầu trích trước liên quan đến các khoản vay của các công ty con trong Tập đoàn hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 *Tăng giảm vốn chủ sở hữu*

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Ngàn VND</i>
Năm trước							
Số đầu năm	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	670.143	249.756.283	2.517.123.517	14.205.621.557
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	502.343.207	502.343.207
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	554.407.110	-	-	554.407.110
Thu lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	-	(737.400)	(737.400)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ phúc lợi	-	-	-	-	30.139.020	(48.249.432)	(18.110.412)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	-	-	-	-	-	(946.576.643)	(946.576.643)
Số cuối năm	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	555.077.253	279.895.303	2.023.903.249	14.296.947.419
Năm nay							
Số đầu năm	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	555.077.253	279.895.303	2.023.903.249	14.296.947.419
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	(1.136.650.486)	(1.136.650.486)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	95.062.106	-	-	95.062.106
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	-	-	-	-	-	503.902.364	503.902.364
Số cuối năm	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	650.139.359	279.895.303	1.391.155.127	13.759.261.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	789.899.283	789.899.283
Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	68.664	68.664

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

28. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIÊM SOÁT

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm (Trình bày trước đây)	1.968.772.863	1.149.582.771
Số đầu năm (Trình bày lại - TM số 40)	1.758.600.771	1.149.582.771
Mua công ty con	(700.673.539)	254.895.298
(Lỗ) lợi nhuận trong năm	(366.136.192)	100.017.738
Thanh lý công ty con	(5.021.563)	(8.652.537)
Cổ tức phải trả	(825.000)	(602.955)
Công ty con phát hành cổ phần mới, bán cổ phần hiện hữu của công ty con	2.204.568.542	263.360.456
Số cuối năm	<u>2.890.513.019</u>	<u>1.758.600.771</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Lỗ) lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)	(1.136.650.486)	502.343.207
Trích lập quỹ phúc lợi (Ngàn VND)	-	(18.110.412)
Tiền lãi sau thuế của trái phiếu chuyển đổi hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Ngàn VND)	19.428.440	47.883.010
(Lỗ) lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng (Ngàn VND)	(1.117.222.046)	532.115.805
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	789.899.283	789.899.283
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi (*)	55.993.892	55.993.892
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	845.893.175	845.893.175
(Lỗ) lãi trên cổ phiếu (VND)		
- (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.439)	613
- (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.439)	613

(*) Như trình bày tại TM số 25.1 của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành 1.100 tỷ VND trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá 1 triệu VND/trái phiếu. Các trái phiếu này có thể có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai. Tuy nhiên, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2016, chúng có tác động suy giảm ngược.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. DOANH THU

30.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	6.441.028.981	6.252.482.061	
<i>Trong đó:</i>			
Doanh thu bán bò	3.466.253.714	2.541.497.017	
Doanh thu bán hàng hóa	689.004.439	614.231.760	
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	468.841.325	871.366.579	
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	460.341.756	13.787.888	
Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản	419.000.000	-	
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác	328.474.397	238.787.287	
Doanh thu bán căn hộ	206.880.422	198.041.907	
Doanh thu bán bắp	135.764.750	323.258.716	
Doanh thu bán mủ cao su	114.025.799	196.279.407	
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	87.964.779	1.040.289.682	
Doanh thu thanh lý bất động sản đầu tư	64.477.600	214.941.818	
Khoản giảm trừ	(1.249.713)	(35.528)	
Hàng bán trả lại	(1.249.713)	(35.528)	
Doanh thu thuần	6.439.779.268	6.252.446.533	
<i>Trong đó:</i>			
Doanh thu bán bò	3.465.004.001	2.541.497.017	
Doanh thu bán hàng hóa	689.004.439	614.196.232	
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	468.841.325	871.366.579	
Doanh thu từ dịch vụ thuê	460.341.756	13.787.888	
Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản	419.000.000	-	
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác	328.474.397	238.787.287	
Doanh thu bán căn hộ	206.880.422	198.041.907	
Doanh thu bán bắp	135.764.750	323.258.716	
Doanh thu bán mủ cao su	114.025.799	196.279.407	
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	87.964.779	1.040.289.682	
Doanh thu thanh lý bất động sản đầu tư	64.477.600	214.941.818	
<i>Trong đó:</i>			
Doanh thu thuần với các bên khác	5.665.031.413	5.126.980.699	
Doanh thu thuần với các bên liên quan	774.747.855	1.125.465.834	

30.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	883.197.510	774.082.821	
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	47.349.975	230.702.842	
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.660.435	18.714.532	
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	2.595.452	29.925.898	
Cổ tức	112.725	230.425	
TỔNG CỘNG	947.916.097	1.053.656.518	
<i>Trong đó:</i>			
Lãi tiền cho vay các bên liên quan	822.222.870	682.194.159	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Giá vốn bán bò	3.025.303.851	1.798.098.921
Giá vốn hàng hóa	644.204.460	518.873.603
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng bất động sản	328.544.677	-
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	326.964.951	501.695.563
Giá vốn dịch vụ cho thuê	151.360.667	8.716.248
Giá vốn dịch vụ khác	310.246.492	191.055.334
Giá vốn căn hộ	184.114.451	161.652.655
Giá vốn bán bắp	66.657.192	127.610.998
Giá vốn mủ cao su	142.773.735	191.251.156
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	185.600.840	799.970.554
Giá vốn bất động sản đầu tư	64.867.426	99.095.539
TỔNG CỘNG	5.430.638.742	4.398.020.571

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi vay ngân hàng và trái phiếu	1.579.381.993	1.078.711.240
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	49.982.904	97.354.796
Lỗ từ chuyển nhượng cổ phần và thanh lý đầu tư	-	20.857.250
Các khoản khác	45.154.929	6.744.321
TỔNG CỘNG	1.674.519.826	1.203.667.607

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.056.997	67.390.726
Chi phí lương nhân viên	20.749.208	2.725.126
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.573.818	1.119.391
Chi phí khác	18.774.392	40.003.817
TỔNG CỘNG	169.154.415	111.239.060
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	163.448.955	101.193.708
Phân bổ lợi thế thương mại	150.494.855	29.056.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.467.085	114.216.174
Chi phí khấu hao	36.803.117	27.836.710
Chi phí khác	83.350.178	78.068.626
TỔNG CỘNG	501.564.190	350.371.742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Thu nhập khác	176.199.117	180.631.718
Lãi từ thanh lý tài sản	162.033.597	161.694.345
Các khoản bồi thường nhận được	-	2.672.268
Các khoản khác	14.165.520	16.265.105
Chi phí khác	(1.206.015.281)	(615.325.413)
Lỗ từ đánh giá lại các tài sản không hiệu quả	(523.453.281)	(544.622.373)
Lỗ từ thanh lý tài sản dài hạn khác	(402.427.821)	-
Chi phí thay đổi mục đích sử dụng tài sản	(207.046.655)	-
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(25.629.519)	(1.581.124)
Các khoản phạt	(11.525.716)	(11.281.615)
Các khoản khác	(35.932.289)	(57.840.301)
LỖ KHÁC	(1.029.816.164)	(434.693.695)

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2015: 22%).

Các công ty con của Tập đoàn tại Lào, Campuchia, Myanmar và Thái Lan có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất tương ứng dựa trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế địa phương. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

35.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.311.463	153.548.976
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	86.187.524	50.302.292
TỔNG CỘNG	96.498.987	203.851.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i>
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.406.287.691)	806.212.213
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Lỗ từ các công ty con	1.724.866.566	393.289.083
Lợi thế thương mại phân bối	150.494.855	29.056.524
Lợi nhuận chưa thực hiện trên hợp nhất	44.218.911	241.817.159
Thay đổi chi phí phải trả	22.000.000	96.333.509
Tiền phạt	20.886.781	8.878.441
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	12.810.335	55.649.676
(Lỗ) lãi từ việc thanh lý công ty con	2.724.776	(29.925.898)
Các khoản khác	19.321.536	5.216.413
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Chi phí lãi vay (đã được khấu trừ) được vốn hóa vào dự án trên báo cáo tài chính hợp nhất	(89.797.577)	(182.693.504)
Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con	(193.300.955)	-
Lợi nhuận miễn thuế	(148.789.308)	(728.821.481)
Chênh lệch tỷ giá	30.902.557	(16.665.539)
Lãi (lỗ) từ các công ty liên kết	(11.710.281)	1.898.163
Chi phí trích trước năm trước được khấu trừ trong năm nay	(1.010.629)	(2.499.412)
Thu nhập cổ tức	(112.725)	(230.425)
Các khoản khác	(8.711.778)	(3.349.750)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành chưa căn trừ lỗ năm trước	168.505.373	674.165.172
Lỗ các năm trước chuyển sang	(17.821.889)	(14.063.566)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành sau khi căn trừ lỗ năm trước	150.683.484	660.101.606
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	10.928.559	145.222.353
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu năm trước	(617.096)	8.326.623
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	10.311.463	153.548.976
Thuế TNDN phải trả đầu năm	66.474.849	14.193.628
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	11.678.693	8.331.737
Thuế TNDN đã trả trong năm	(25.424.754)	(109.599.492)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	63.040.251	66.474.849
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 22)	64.559.662	67.994.260
Thuế TNDN nộp thừa (TM số 22)	(1.519.411)	(1.519.411)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

35.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		<i>Ngàn VND</i>
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - TM số 40)	Năm nay	Năm trước	
Tài sản thuế TNDN hoãn lại					
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	91.119.227	82.941.387	8.177.840	44.905.635	
Các khoản lỗ tính thuế được chuyển sang các năm sau của các công ty con	-	-	-	(110.825.458)	
	91.119.227	82.941.387	8.177.840	(65.919.823)	
Thuế TNDN hoãn lại phải trả					
Chi phí lãi vay vốn hoá khi hợp nhất	248.544.686	189.506.405	59.038.281	(18.950.639)	
Dự phòng khoản đầu tư	38.660.191	-	38.660.191	-	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	3.333.108	(3.333.108)	3.333.108	
	287.204.877	192.839.513	94.365.364	(15.617.531)	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			86.187.524	50.302.292	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Bà Nguyễn Thị Ngọc Trang	Bên liên quan	Mua cổ phần CSTN	3.277.487.120	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Cho vay	-	1.719.085.398
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	598.278.514	1.111.024.040
		Mua hàng hóa và dịch vụ	177.804.404	1.148.449.076
		Thu hồi tiền cho vay	-	512.697.837
		Mua tài sản	88.105.382	305.043.871
		Lãi cho vay	216.854.465	154.943.197
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	347.028.384	374.596.730
		Mua cổ phần CNGL	550.000.000	-
		Thu hồi tiền cho vay	-	739.740.000
		Cho vay	-	965.478.783
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Lãi cho vay	81.762.040	14.548.178
		Cho vay	-	697.320.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cho vay	-	54.140.386
		Lãi cho vay	7.913.439	2.492.768
		Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	771.957	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	-	42.869.945
		Lãi cho vay	16.222.042	-
		Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	903.707	-
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	30.469.444	28.743.750
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	2.106.001	-
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Bán cổ phần	24.636.250	-
		Lãi cho vay	839.583	-
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	15.119.538	1.585.248
		Cho vay	-	72.533.690
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	59.194.401	-
		Chuyển nhượng tài sản	173.143.070	-
		Mua hàng hóa	38.785.483	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Bán tài sản	339.172.635 383.279	275.845.734 383.279
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	2.041.135	1.813.211
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	49.843	1.452.577
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	97.427	1.302.577
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.967.402	915.102
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	849.306	250.570
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	118.125
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.093.959	873.319
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	63.690
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Bán tài sản Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	90.147.433 27.712.129	- -
Các bên liên quan khác		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.474.649	-
TỔNG CỘNG			465.989.197	283.018.184
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Üng trước mua hàng hóa và dịch vụ Üng trước mua tài sản	702.918.509 -	467.936.006 4.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Üng trước phí tư vấn thiết kế	15.056.000	17.023.166
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thor	Công ty liên quan	Üng trước mua hàng hóa và dịch vụ	13.034.450	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	Üng trước dịch vụ xây dựng	272.900	272.900
TỔNG CỘNG			731.281.859	489.232.072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú (i)	Công ty liên quan	(i)	726.516.211	2.860.085.936
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan (trước đây)	11 - 13%	-	473.358.579
Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Bên liên quan		-	92.867.100
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	10,8 -11%	660.000.000	67.860.980
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	11%	-	30.434.400
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	7-13%	-	26.190.000
Ông Đỗ Thái Cơ	Bên liên quan	11%	-	16.157.837
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	7 - 11%	-	13.433.052
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	11%	-	663.896
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Công ty liên quan		500.000	500.000
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	10,5%	189.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vạn Phúc Hưng	Công ty liên quan		14.130.278	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	11,53 - 16,45%	54.140.387	-
Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty liên quan		14.500.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Công ty liên quan		126.017.532	-
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan		115.917.134	-
Công ty TNHH An Tiên	Công ty liên quan	6,5 - 12%	14.500.000	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	12,5%	61.397.808	-
TỔNG CỘNG (*)			1.976.619.350	3.581.551.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	925.412.956	596.353.404
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng hoạt động kinh doanh	1.600.000	138.499.307
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi phí trả hộ	143.698.819 2.440.389	113.229.375 2.440.389
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Lãi cho vay Cho mượn Khác	35.315.529 3.759.760 20.976.758	56.547.492 - 85.229
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan (trước đây)	Lãi cho vay Chi phí trả hộ	- -	40.411.220 914.514
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Lãi cho vay Chi phí trả hộ	3.894.640 -	14.548.178 7.779.191
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	12.624.059	12.624.059
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi phí trả hộ	10.406.208 7.402.364	2.492.768 -
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	2.728.820	622.820
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi phí trả hộ	14.452.574 2.530.531	380.531 -
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.501.070	-
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Lãi cho vay	2.329.167	-
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Lãi cho vay	2.329.167	-
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	23.465.186	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	18.058.649	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn Khác	119.795.357 12.770.387	- -
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	13.122.719	-
Các bên liên quan khác	Công ty liên quan	Lãi cho vay và cho mượn	693.553	4.072.222
TỔNG CỘNG			1.381.308.662	991.000.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)</i>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	6 - 9,75%	1.229.890.624	1.991.975.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	(i)	1.490.961.271	1.471.708.240
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	(ii)	300.000.000	697.320.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	6,5%	125.340.957	-
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	6,5%	150.000.000	-
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	6,5%	96.670.000	-
Ông Huỳnh Hữu Vũ	Bên liên quan	11%	-	294.936.000
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	0 - 8%	45.615.335	221.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Công ty liên quan	10%	-	126.017.533
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	12%	141.231.796	116.568.196
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan		105.110.065	-
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan		771.628.333	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan		381.703.227	-
Công ty TNHH MTV Vạn Phúc Hưng	Công ty liên quan		30.048.554	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan (trước đây)	11 - 13%	-	62.142.038
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	8 - 13%	-	54.140.387
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	6,5 - 12%	93.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	13,21 - 15,73%	14.651.980	14.651.980
TỔNG CỘNG (*)			4.975.852.142	5.050.459.374

(*) Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 9 năm 2016, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

- (i) Thể hiện khoản cho vay tín chấp cho An Phú để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

Khoản cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
	Ngàn VND		
Khoản cho vay 1	446.516.211	17 tháng 7 năm 2017	8%
Khoản cho vay 2	280.000.000	8 tháng 8 năm 2017	12%
Khoản cho vay 3	620.961.271	8 tháng 9 năm 2018	Không
Khoản cho vay 4	287.000.000	30 tháng 12 năm 2021	10%
Khoản cho vay 5	283.000.000	30 tháng 8 năm 2020	6%
Khoản cho vay 6	300.000.000	27 tháng 5 năm 2018	11,5%
TỔNG CỘNG	2.217.477.482		

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, khoản phải thu của Tập đoàn đối với An Phú và các công ty liên quan với An Phú đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Ông Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty liên quan khác.

- (ii) Đây là khoản Tập đoàn cho Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức, vay theo hợp đồng số 01/10/15HDV-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2015 hoàn trả trong vòng ba năm và có lãi suất là 12%/năm (2015: 10%/năm).

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	Ngàn VND
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)					
Công ty Cổ phần chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Phải thu BCC	60.368.691 109.650.981	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	20.987.500	-	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn	102.439.202	-	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn	295.543.906	-	-
TỔNG CỘNG			588.990.280		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 20)				
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan (trước đây)	Phải trả phát triển vườn cây	-	(60.549.000)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mua máy móc thiết bị Mua hàng hóa và dịch vụ	- (57.589.718)	(23.204.432) (9.136.427)
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	Phải trả nhà thầu xây dựng	-	(8.140.692)
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(4.172.853)	(1.462.695)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(3.195.941)	-
Các bên liên quan khác	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(65.000)	(28.060)
TỔNG CỘNG			(65.023.512)	(102.521.306)

Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 21)

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Ứng trước dịch vụ xây dựng và mua hàng hóa	(193.716.544)	(251.804.507)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	(24.395.000)	-
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Ứng trước dịch vụ xây dựng và mua hàng hóa	(23.560)	-
TỔNG CỘNG			(218.135.104)	(251.804.507)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 24)				
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan (trước đây)	Cho mượn tạm	- (123.120.360)	
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	- (6.092.453)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(6.450.000)	(2.104.578)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Cho mượn tạm	(404.622.014)	-
Công ty TNHH An Tiên	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(4.688.276)	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Bên liên quan	Cho mượn tạm	(23.204.111)	-
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	(805.929)	(853.554)
TỔNG CỘNG			(439.770.330)	(132.170.945)

Phải trả dài hạn khác (TM số 24)

Công ty TNHH An Tiên	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh	<u>(550.000.000)</u>	-
----------------------	-------------------	--------------------	----------------------	---

Vay ngắn hạn (TM số 25)

Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Vay	<u>(7.823.000)</u>	-
---------------------	---------------	-----	--------------------	---

Vay dài hạn (TM số 25)

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Vay	<u>(298.000.000)</u>	-
-----------------------------------	-------------------	-----	----------------------	---

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Lương	9.950.242	10.079.430
Ban kiểm soát		
Lương	2.292.856	2.181.905
Ban thư ký		
Lương	545.858	523.347
TỔNG CỘNG		12.788.956
		12.784.682

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn là bên thuê

Tập đoàn thuê nhiều lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào, Campuchia để xây dựng nhà xưởng, các tiện nghi của Câu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng và trồng cây cao su và các loại cây khác. Tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này vào ngày kết thúc kỳ kê toán năm được trình bày như sau:

	Ngàn VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	106.719.092	102.937.206	
Từ 1 đến 5 năm	465.335.080	456.835.315	
Trên 5 năm	<u>9.237.157.505</u>	<u>9.225.640.605</u>	
TỔNG CỘNG	<u>9.809.211.677</u>	<u>9.785.413.126</u>	

Tập đoàn là bên cho thuê

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Trong năm 2016, Tập đoàn đã ký các thỏa thuận cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại tại Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	819.615.350	693.345.361	
Từ 1 đến 5 năm	4.149.731.927	940.655.522	
Trên 5 năm	<u>980.831.074</u>	<u>72.731.616</u>	
TỔNG CỘNG	<u>5.950.178.351</u>	<u>1.706.732.499</u>	

Các cam kết liên quan đến chi phí xây dựng công trình

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có các cam kết hợp đồng cho việc xây dựng các dự án bất động sản và dự án thủy điện như sau:

	Giá trị theo hợp đồng	Giá trị đã ghi nhận	Giá trị cam kết còn lại
Dự án thủy điện			
Dự án Nậm Kông 3	1.667.250.000	679.840.474	987.409.526
Dự án bất động sản			
Dự án Myanmar	<u>9.810.680.000</u>	<u>4.918.172.179</u>	<u>4.892.507.821</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.477.930.000</u>	<u>5.598.012.653</u>	<u>5.879.917.347</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- KIP Lào (LAK)	10.435.442.239	1.062.267.512
- Đồng Kyat Myanmar (MMK)	1.901.281.258	1.477.735.052
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	111.306.843	100.364.068
- Đồng Bạt Thái Lan (THB)	7.078.908	10.979.106
- Đô la Mỹ (USD)	7.610.333	9.680.509
- Đồng Euro (EUR)	1.864	1.150

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

39.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Bất động sản: phát triển dự án căn hộ để bán và cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại;
- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng căn hộ, xây dựng sân bay và xây dựng chuồng trại;
- Năng lượng: phát triển và khai thác thủy điện;
- Khoáng sản: khai thác, chế biến và bán quặng tinh chế (đã dừng hoạt động); và
- Nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, mía đường, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su, gỗ cao su, đường, cọ dầu, các loại cây trồng khác và chăn nuôi bò thịt.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

39.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Bất động sản	Sản xuất	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Nông nghiệp	Năng lượng	Khoáng sản	Loại trừ	Ngàn VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015									
<i>Doanh thu</i>									
Tùy khách hàng bên ngoài	412.983.725	614.196.232	252.575.175	1.040.289.682	3.930.607.511	1.794.208	-	-	6.252.446.533
Giữa các bộ phận	-	1.051.267.689	77.910.535	319.663.862	1.012.816.978	-	-	(2.461.659.064)	-
Tổng cộng	412.983.725	1.665.463.921	330.485.710	1.359.953.544	4.943.424.489	1.794.208	-	(2.461.659.064)	6.252.446.533
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>									
Kết quả của bộ phận	152.235.531	95.322.629	52.803.593	240.319.128	1.313.745.081	-	-	-	1.854.425.962
Chi phí không phân bổ									(896.304.497)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									958.121.465
Thu nhập tài chính									1.053.656.518
Chi phí tài chính									(1.203.667.607)
Lỗ từ công ty liên kết									(1.898.163)
Lợi nhuận trước thuế									806.212.213
Thuế TNDN hiện hành									(153.548.976)
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại									(50.302.292)
Lợi nhuận sau thuế trong năm									602.360.945
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015									
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>									
Tài sản của bộ phận	8.259.008.883	6.871.718.470	414.281.212	185.383.734	30.242.394.567	4.228.529.998	471.749.500	-	50.673.066.364
Tiền của Tập đoàn									967.966.695
Đầu tư vào công ty liên kết									252.299.640
Tài sản không phân bổ									(3.077.404.349)
Tổng tài sản									48.815.928.350
Nợ phải trả của bộ phận	(5.749.925.677)	(6.971.300.300)	(342.851.722)	(487.006.160)	(23.589.760.026)	(2.449.760.889)	(136.660.009)	-	(39.727.264.783)
Nợ phải trả không phân bổ									6.966.884.623
Tổng nợ phải trả									(32.760.380.160)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

39.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Bất động sản	Sản xuất	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Nông nghiệp	Năng lượng	Khoáng sản	Loại trừ	Ngàn VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016									
<i>Doanh thu</i>									
Từ khách hàng bên ngoài	690.358.022	662.806.980	788.159.732	87.964.779	4.209.833.333	656.422	-	-	6.439.779.268
Giữa các bộ phận	-	416.293.248	54.029.012	42.484.635	412.703.686	-	-	(925.510.581)	-
Tổng cộng	690.358.022	1.079.100.228	842.188.744	130.449.414	4.622.537.019	656.422	-	(925.510.581)	6.439.779.268
Kết quả của bộ phận	112.831.468	163.378.207	326.552.573	(97.636.061)	503.357.917	656.422	-	-	1.009.140.526
Chi phí không phân bổ									(1.700.534.769)
Lỗ trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									(691.394.243)
Thu nhập tài chính									947.916.097
Chi phí tài chính									(1.674.519.826)
Lợi nhuận từ công ty liên kết									11.710.281
Lỗ kế toán trước thuế									(1.406.287.691)
Chi phí thuế TNDN hiện hành									(10.311.463)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									(86.187.524)
Lỗ sau thuế TNDN trong năm									(1.502.786.678)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016									
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>									
Tài sản của bộ phận	9.303.424.303	5.938.175.313	420.743.155	134.654.415	35.742.409.998	4.527.494.431	445.831.631	-	56.512.733.246
Tiền									791.208.293
Đầu tư vào công ty liên kết									865.766.030
Tài sản không phân bổ									(5.406.237.968)
Tổng tài sản									52.763.469.601
Nợ phải trả của bộ phận	(6.018.627.989)	(8.783.778.325)	(363.576.683)	(116.462.423)	(28.479.547.520)	(3.037.788.835)	(115.006.912)	-	(46.914.788.687)
Nợ phải trả không phân bổ									10.801.093.508
Tổng nợ phải trả									(36.113.695.179)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

39.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Myanmar	Khác	Ngàn VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015						
<i>Doanh thu</i>						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	3.537.795.775	2.313.976.917	385.591.191	-	15.082.650	6.252.446.533
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>						
Tài sản cố định hữu hình	880.724.729	3.862.481.415	589.213.313	2.359.964.154	-	7.692.383.611
Tài sản cố định vô hình	3.989.985	-	-	-	-	3.989.985
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	19.189.917.338	18.373.812.591	7.040.409.698	5.691.387.168	107.598.986	50.403.125.781
Tiền						967.966.695
Đầu tư vào công ty liên kết						252.299.640
Tài sản không phân bổ						(2.807.463.766)
Tổng tài sản						48.815.928.350
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016						
<i>Doanh thu</i>						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	3.232.724.397	2.506.968.190	64.613.336	527.589.610	107.883.735	6.439.779.268
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>						
Tài sản cố định hữu hình	1.614.370.980	941.132.740	363.692.108	457.265.687	-	3.376.461.515
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	20.217.523.536	16.938.340.189	9.449.068.450	6.533.872.729	49.986.162	53.188.791.066
Tiền						791.208.293
Đầu tư vào công ty liên kết						865.766.030
Tài sản không phân bổ						(2.082.295.788)
Tổng tài sản						52.763.469.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11, Ban Giám đốc đã tiến hành đánh giá lại giá trị hợp lý tài sản thuần của các công ty con đã mua và hợp nhất trong năm trước. Theo đó, Ban Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố việc ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản mua thêm tương ứng nghiệp vụ mua 99,7% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Đông Pênh và công ty con - Công ty TNHH Daun Penh Agrico, với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 798.397.600 ngàn VND, thực hiện vào ngày 14 tháng 10 năm 2015.

Thêm vào đó, Ban Giám đốc cũng đã điều chỉnh hồi tố việc ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản mua thêm tương ứng nghiệp vụ mua 69,7% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần An Đông Mia và công ty con - Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat, với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 700.695.000 ngàn VND, thực hiện vào ngày 15 tháng 10 năm 2015.

Ngoài ra, giá trị của các quyền sử dụng đất của dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar cũng đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm nay.

Theo đó, một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại như sau:

	Số liệu đã trình bày trước đây	Điều chỉnh lại	Phân loại lại	Ngàn VND Số liệu sau trình bày lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Lợi thế thương mại	474.510.195	598.980.851	-	1.073.491.046
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21.458.876.315	(1.011.441.179)	(1.258.754.276)	19.188.680.860
Tài sản cố định vô hình	146.580.676	-	1.258.754.276	1.405.334.952
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	395.127.749	(202.288.236)	-	192.839.513
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.968.772.863	(210.172.092)	-	1.758.600.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Dương Hoàng Bắc Kế toán trưởng

Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017

Số: 69 /CV-HAGL

(Giải trình ý kiến ngoại trừ của
kiểm toán viên về BCTC hợp
nhất năm 2016)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



Gia Lai, ngày 3 tháng 5 năm 2017

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

Mã chứng khoán: HAG

Trụ sở chính: 15 Trường Chinh, phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Gia Lai

Điện thoại: (059) 22222 49

Fax: (059) 22222 47

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Võ Trường Sơn - Tổng giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") xin giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán thời điểm 31/12/2016 ("BCTC hợp nhất năm 2016") của Công ty như sau:

Theo BCTC hợp nhất năm 2016, Công ty TNHH kiểm toán Ernst & Young đã đưa ra đoạn ý kiến ngoại trừ liên quan đến các số liệu của Ngành Mía đường đang được tiến hành chuyển nhượng cho đối tác. Nội dung ngoại trừ như sau: "Như được trình bày tại Thuyết minh số 4.7 của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, Tập đoàn đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu ("Nhóm công ty Mía đường") cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, trang trại mía và các tài sản liên quan thuộc dự án mía đường tại Lào cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty mía đường này. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các thủ tục pháp lý cần thiết vẫn chưa được hoàn thành. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Theo đó, Ban Giám đốc đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 8 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn. Do các thủ tục pháp lý cần thiết chưa được hoàn tất, chúng tôi đã không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định thời điểm Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường. Đồng thời, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để kiểm tra các số dư trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm công ty Mía đường này, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các công ty này cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 8 năm 2016 như được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 liên quan đến số liệu tài chính của Nhóm công ty Mía đường hay không".

Hiện nay các thủ tục mua bán, chuyển nhượng dự án vẫn đang được tiến hành và giá trị chuyển nhượng đủ để thu hồi giá trị tài sản ròng của Ngành Mía đường là 1.026 tỷ đồng, lãi vay vốn hóa vào dự án chưa phân bổ 20 tỷ đồng và lợi thế thương mại chưa phân bổ 361 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Trụ Sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Tel: (+84) 059 2225 888 Fax: (+84) 059 2222 335 Email: Contact@hagl.com.vn

Trên đây là giải trình của Công ty về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016.

Trân trọng.

Noi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT

